

Vụ Bản, ngày 24 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai tình hình thực hiện dự toán quý I năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ phê duyệt chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1636/QĐ-SGDĐT ngày 28/12/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 cho trường THPT Hoàng Văn Thụ;

Căn cứ vào kết quả, tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2022 theo đề nghị của kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2022 của trường THPT Hoàng Văn Thụ (theo biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Tổ trưởng tổ văn phòng, phụ trách kế toán và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
Như điều 3;
Lưu VT;



Hoàng Trung Sâm

Đơn vị: Trường THPT Hoàng Văn Thụ

Chương: 422

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-THPTHVT ngày 24/4/2022 của Hiệu trưởng trường THPT Hoàng Văn Thụ)

ĐV tính: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (%)	Ước thực hiện quý 1 năm nay so với quý 1 năm trước (%)
1	2	3	4	5	6
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9 890 000 000	2 047 557 100	22%	91%
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	9 890 000 000	2 047 557 100	22%	91%
1.1	Kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước cấp (không giao tự chủ)	9 320 000 000	2 047 557 100	22%	91%
1.2	Kinh phí thường xuyên tự đảm bảo từ nguồn CCTL	370 000 000	0	0%	0%
1.3	Kinh phí không thường xuyên ngân sách nhà nước cấp	200 000 000		0%	0%
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	0%
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				